TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 08/10/2024
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Bồng và bà Lê Thị Huyền**
Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST- HNGĐ ngày 18/9/2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn Khẹo, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Cán bộ Trường Tiểu học BM1, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa *(có mặt)*;

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Đình M, sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn Khẹo, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Bộ đội Biên phòng đã ra quân (*vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Đình M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 12/2006; đến ngày 15/01/2008 chị T, anh M đến Uỷ ban nhân dân xã Phong Lộc, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc yêu thương nhau đến năm 2018, đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Từ khoảng năm 2022 đến nay cuộc sống vợ chồng áp lực, sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai, nhiều lần vợ chồng cãi vả nhau, có lần anh M còn đánh đập, xé áo, dọa nạt chị nên chị T và anh M đã sống ly thân nhau từ ngày 01/2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Nguyễn Ngọc Uyên N, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/3/2012. Vợ chồng ly hôn chị T xin được nuôi cả hai cháu N và A và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản;công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh M đến Tòa án để làm việc nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Việc anh M không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cố tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 18/6/2024 với chính quyền địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Đình M đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã BM, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, anh M chưa chuyển khẩu đi đâu, anh M có số định danh cá nhân là 038083013602, hiện tại anh M đang có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác nhận, chị T và anh M chung sống với nhau năm 2008, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh M thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, đến tháng 6/2022 chị T chuyển đến trường nơi chị công tác để ở không sống chung cùng anh M nữa. Nay được biết chị T làm thủ tục ly hôn anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu cháu Nguyễn Ngọc Uyên N, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/3/2012, nguyện vọng của hai cháu N và A là được ở với mẹ để mẹ nuôi dưỡng. Giao cả hai cháu N và A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Đình M vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình M, anh M vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Đình M, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T và anh M đã mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về hộ khẩu của anh Minh và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị T và anh M đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Nguyễn Ngọc Uyên N, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/3/2012.Căn cứ vào giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú đủ cơ sở xác định hai cháu N và cháu A là con chung của chị T và anh M.

Xét nguyện vọng xin nuôi cháu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi cháu sinh ra đến nay, các cháu N và A luôn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, hai cháu N và A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý, học tập của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất, tinh thần của các cháu. Áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GĐ, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của chị T. Giao cả hai cháu N và A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có thu nhập ổn định hàng tháng số tiền hơn 10.000.000đồng, chị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4].*Về tài sản;công nợ*: Chị Lê Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình; vắng mặt bị đơn anh M, Tòa án đã giao, tống đạt niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định, nhưng anh M vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh M đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, anh M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh M là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3; Điều 5; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình M

Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc Uyên N, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/3/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nguyễn Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh M có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*)

tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: 0006401 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/10/2024), anh Nguyễn Đình M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADSH.Thường Xuân;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Phong Lộc h. Hậu Lộc;*
- *Lưu HSVA.*